ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT
Số: 2193/QĐ-ĐHTDM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 11 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục số 123/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15;

Căn cứ Quyết định số 39/QĐ-TTg ngày 23 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 54/2026/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 56/2026/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 1938/QĐ-ĐHTDM ngày 07 tháng 10 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thủ Dầu Một;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Quản lý đào tạo tại Tờ trình số 136/TTr-BQLĐT ngày 27 tháng 10 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học tại Trường Đại học Thủ Dầu Một.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế các quyết định: Quyết định số 47/QĐ-ĐHTDM ngày 14 tháng 01 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Thủ Dầu Một; Quyết định số 476/QĐ-ĐHTDM ngày 14 tháng 01 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một quy định xây dựng và rà soát chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần trình độ đại học của Trường Đại học Thủ Dầu Một; Quyết định số 1010/QĐ-ĐHTDM ngày 09 tháng 7 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một quy định rà soát, đánh giá và cải tiến quy trình xây dựng, cập nhật và đánh giá chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ; Quyết định số 2054/QĐ-ĐHTDM ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Hiệu

trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một quy trình cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ tại Trường Đại học Thủ Dầu Một.

Điều 3. Các ông, bà: Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Quản lý đào tạo, các Trưởng đơn vị thuộc, trực thuộc Trường và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, BQLĐT(2).

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

Ngô Hồng Điệp

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Về chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2193/ QĐ-ĐHTDM ngày 10 tháng 11 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học (đại học, thạc sĩ, tiến sĩ), bao gồm: quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo; tổ chức thực hiện, duy trì, cải tiến, kiểm tra, giám sát; phê duyệt, đình chỉ tuyển sinh, đình chỉ hoạt động đào tạo và chấm dứt tổ chức thực hiện chương trình đào tạo tại Trường Đại học Thủ Dầu Một.

2. Quy định này áp dụng đối với các đơn vị đào tạo, đơn vị chức năng, đơn vị có liên quan, giảng viên, viên chức, người lao động và các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng, quản lý, tổ chức thực hiện, rà soát, cập nhật và cải tiến chương trình đào tạo tại Trường Đại học Thủ Dầu Một.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Cấu trúc chương trình đào tạo* là cách thức tổ chức và sắp xếp các thành phần của chương trình đào tạo thành các khối kiến thức, học phần và lộ trình học tập, bảo đảm sự liên kết phù hợp và khả năng tích lũy của người học.

2. *Thành phần chương trình đào tạo* là tập hợp các học phần được tổ chức theo khối kiến thức hoặc định hướng chuyên môn chung trong cấu trúc chương trình đào tạo.

3. *Học phần* hoặc *môn học* (sau đây gọi chung là *học phần*) là đơn vị học tập cấu thành cấu trúc chương trình đào tạo, được thiết kế với mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá; có khối lượng học tập xác định và được lượng hóa bằng số lượng tín chỉ.

4. *Tín chỉ* là đơn vị dùng để lượng hóa khối lượng học tập của người học, trong đó:

a) Một (01) tín chỉ tương đương từ 45 đến 50 giờ học tập của người học được tính theo đơn vị 60 phút, bao gồm thời gian học trực tiếp, học trực tuyến,

thực hành, thí nghiệm, thực tập, tự học có hướng dẫn, các hình thức học tập khác và kiểm tra, đánh giá;

b) Đối với hoạt động giảng dạy trực tiếp theo lớp học, một (01) tín chỉ yêu cầu tối thiểu 15 giờ giảng dạy trực tiếp hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận, trong đó, một (01) giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp được thực hiện trong thời lượng 50 phút.

5. *Chương trình đào tạo chuyên sâu* là chương trình đào tạo của một số ngành, lĩnh vực có khối lượng học tập, thời lượng thực hành, thực tập nhiều hơn so với chương trình đào tạo thông thường ở cùng trình độ nhằm đáp ứng định hướng đào tạo hoặc tiêu chuẩn nghề nghiệp, hành nghề đặc thù và không làm thay đổi trình độ đã xác định của chương trình đào tạo.

6. *Chương trình đào tạo tích hợp* là chương trình đào tạo được thiết kế thống nhất, tích hợp nội dung của 02 trình độ đào tạo liền kề, có tính liên thông và kế thừa giữa các trình độ, cho phép người học tích lũy và công nhận kết quả học tập để đạt chuẩn đầu ra của trình độ đào tạo cuối cùng của chương trình.

7. *Chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu, học thuật* là chương trình đào tạo tập trung phát triển kiến thức lý thuyết chuyên sâu, nền tảng khoa học và năng lực nghiên cứu của người học.

8. *Chương trình đào tạo định hướng ứng dụng, chuyên nghiệp* là chương trình đào tạo tập trung phát triển năng lực thực hành, kỹ năng nghề nghiệp và khả năng ứng dụng kiến thức vào thực tiễn của người học.

9. *Chương trình đào tạo liên ngành* là chương trình đào tạo có hệ thống kiến thức, phương pháp và năng lực được tích hợp của từ 02 ngành đào tạo trở lên nhằm hình thành năng lực giải quyết các vấn đề phức tạp.

10. *Chương trình đào tạo xuyên ngành* là một loại chương trình đào tạo liên ngành, được thiết kế theo cách tiếp cận vượt ra ngoài phạm vi của từng ngành riêng lẻ, tổ chức nội dung và phương thức đào tạo theo vấn đề hoặc lĩnh vực.

11. *Chương trình đào tạo song ngành* là chương trình đào tạo cho phép người học hoàn thành chuẩn đầu ra của hai ngành đào tạo.

12. *Chương trình đào tạo ngành chính - ngành phụ* là chương trình đào tạo trong đó người học hoàn thành chuẩn đầu ra của ngành chính và tích lũy một phần khối lượng học tập của ngành khác.

13. *Ngành phù hợp* bao gồm:

a) *Ngành đúng* là ngành có tên và mã số trùng với tên và mã ngành trong Danh mục ngành đào tạo do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

b) *Ngành có chuyên môn phù hợp* là ngành không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này nhưng có nội dung đào tạo đáp ứng yêu cầu của chuẩn chương trình đào tạo, mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

14. *Giảng viên toàn thời gian* là giảng viên làm việc toàn thời gian tại cơ sở giáo dục đại học, chịu sự quản lý trực tiếp của cơ sở giáo dục đại học theo quy định của pháp luật, bao gồm các trường hợp sau đây:

a) *Giảng viên cơ hữu* theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 66 của Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 123/2025/QH15 và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

b) *Giảng viên đồng cơ hữu* theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15 và quy định của Chính phủ về giảng viên đồng cơ hữu trong cơ sở giáo dục đại học công lập;

c) *Giảng viên làm việc theo chế độ hợp đồng lao động* không xác định thời hạn hoặc hợp đồng lao động xác định thời hạn từ 12 tháng trở lên theo Bộ luật Lao động và không đồng thời ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên với đơn vị sử dụng lao động khác;

d) *Giảng viên người nước ngoài* làm việc toàn thời gian tại các cơ sở giáo dục đại học thành lập và hoạt động theo hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và chính phủ nước ngoài.

15. *Giảng viên hợp đồng toàn thời gian sau khi nghỉ hưu* là giảng viên được xác định theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 66 của Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 123/2025/QH15.

16. *Giảng viên thỉnh giảng* là giảng viên được xác định theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 66 của Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 123/2025/QH15.

Điều 3. Nguyên tắc xây dựng chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở chuẩn chương trình đào tạo của trình độ tương ứng và chuẩn chương trình đào tạo theo ngành, nhóm ngành hoặc lĩnh vực đáp ứng được yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Nhà trường.

2. Các đơn vị đào tạo chủ động xây dựng và phát triển chương trình đào tạo thuộc phạm vi phụ trách, phù hợp với sứ mạng, chiến lược, định hướng phát triển và định hướng đào tạo của Trường Đại học Thủ Dầu Một; đồng thời bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về chuẩn chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra và các điều kiện bảo đảm chất lượng theo quy định.

3. Chương trình đào tạo phải bảo đảm tính khoa học, tính hệ thống, tính liên thông, tính thực tiễn và khả năng cập nhật; đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, nghề nghiệp và học tập suốt đời.

CHƯƠNG II

YÊU CẦU ĐỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC TRÌNH ĐỘ CỦA GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Điều 4. Mục tiêu đào tạo

1. Phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học theo quy định của pháp luật và yêu cầu của từng bậc trình độ theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

2. Thể hiện định hướng học tập, phát triển nghề nghiệp và phát triển cá nhân của người học ở từng trình độ tương ứng.

3. Phản ánh yêu cầu chung về năng lực, phẩm chất của người học sau khi tốt nghiệp; đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhu cầu của thị trường lao động và lĩnh vực nghề nghiệp.

Điều 5. Yêu cầu đầu vào

1. Yêu cầu đầu vào phải phù hợp với Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân, Khung trình độ quốc gia Việt Nam, trình độ đào tạo và mục tiêu đào tạo; bảo đảm người học có đủ năng lực để hoàn thành chương trình đào tạo và đạt chuẩn đầu ra.

2. Đối với chương trình đào tạo trình độ đại học và chương trình đào tạo chuyên sâu theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam: người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trình độ tương đương.

3. Đối với chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ: người học phải tốt nghiệp đại học hoặc có văn bằng ở trình độ bậc 6 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

4. Đối với chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ: người học phải tốt nghiệp thạc sĩ hoặc có văn bằng ở trình độ bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam; Trường hợp người học tốt nghiệp đại học (bậc 6) dự tuyển trình độ tiến sĩ thì phải đáp ứng yêu cầu theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo sau đại học ban hành kèm theo Thông tư số 53/2026/TT-BGDĐT.

5. Đối với chương trình đào tạo tích hợp, yêu cầu đầu vào của chương trình và điều kiện chuyển tiếp giữa các giai đoạn đào tạo phải phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam và bảo đảm đáp ứng mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra của từng giai đoạn.

Điều 6. Chuẩn đầu ra

1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phải xác định rõ trình độ đào tạo tương ứng, bảo đảm đáp ứng các yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam và các quy định hiện hành đối với trình độ đào tạo.

2. Thể hiện các yêu cầu về năng lực cần thiết để người học học tập, làm việc và phát triển nghề nghiệp phù hợp với mục tiêu của trình độ đào tạo và các yêu cầu sau:

a) Đối với trình độ đại học phải có yêu cầu về năng lực số, nội dung về trí tuệ nhân tạo (AI), năng lực ngoại ngữ, khả năng thích ứng và học tập suốt đời;

b) Đối với trình độ thạc sĩ phải có yêu cầu về năng lực nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, ứng dụng và phát triển tri thức;

c) Đối với trình độ tiến sĩ phải có yêu cầu về năng lực nghiên cứu độc lập; đề xuất công nghệ hoặc giải pháp mới; sản phẩm công bố khoa học hoặc sản phẩm ứng dụng kết quả nghiên cứu; hướng dẫn nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo;

d) Các đơn vị đào tạo xây dựng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trên cơ sở chuẩn chương trình đào tạo theo ngành, nhóm ngành hoặc lĩnh vực tương ứng do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và các quy định có liên quan; bảo đảm chuẩn đầu ra phù hợp với trình độ đào tạo, đặc điểm của ngành và mục tiêu của chương trình đào tạo.

3. Chuẩn đầu ra phải được cụ thể hóa thành các yêu cầu có thể quan sát, đánh giá và đo lường được, làm căn cứ thiết kế, thực hiện, kiểm tra, đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo; xét công nhận kết quả học tập và cấp văn bằng.

4. Chuẩn đầu ra phải bảo đảm khả năng liên thông giữa các trình độ đào tạo, công nhận kết quả học tập và học tập suốt đời trên cơ sở Khung trình độ quốc gia Việt Nam và các quy định có liên quan.

5. Chuẩn đầu ra phải có tính khả thi, phù hợp với khối lượng học tập, thời gian đào tạo và điều kiện bảo đảm chất lượng của Trường Đại học Thủ Dầu Một; tạo điều kiện để phần lớn người học đáp ứng yêu cầu đầu vào có thể hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian đào tạo tiêu chuẩn.

Điều 7. Khối lượng học tập tối thiểu

1. Khối lượng học tập tối thiểu theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 39/2026/QĐ-TTg ngày 23 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định về Khung trình độ quốc gia Việt Nam, bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Chương trình đào tạo trình độ đại học và bậc 6: 120 tín chỉ;

b) Chương trình đào tạo chuyên sâu bậc 7: 150 tín chỉ trở lên;

c) Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ:

- Chương trình đào tạo có đầu vào trình độ đại học: 60 tín chỉ đối với định hướng nghiên cứu và 45 tín chỉ đối với định hướng ứng dụng;

- Chương trình đào tạo có đầu vào tốt nghiệp trung học phổ thông: 162 tín chỉ đối với định hướng nghiên cứu bao gồm cả chương trình tích hợp cấp bằng thạc sĩ; 150 tín chỉ đối với định hướng ứng dụng, bao gồm cả chương trình đào tạo chuyên sâu trong một số ngành, lĩnh vực.

d) Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ: 90 tín chỉ đối với đầu vào trình độ bậc 7; hoặc 135 tín chỉ đối với đầu vào trình độ bậc 6.

2. Đối với chương trình đào tạo tích hợp giữa hai trình độ liền kề, khối lượng học tập tối thiểu không thấp hơn 90% tổng khối lượng học tập tối thiểu của cả hai trình độ tương ứng; đồng thời bảo đảm mục tiêu đào tạo, yêu cầu của từng giai đoạn đào tạo và chuẩn đầu ra của từng trình độ theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Điều 8. Yêu cầu về cấu trúc chương trình đào tạo

1. Cấu trúc chương trình đào tạo bảo đảm:

a) Thể hiện rõ mối liên hệ giữa mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra, nội dung đào tạo, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá và các điều kiện bảo đảm chất lượng;

b) Có tính hệ thống, tính liên thông, tính kế thừa và khả năng cập nhật; phù hợp với trình độ đào tạo, mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra;

c) Xác định rõ các thành phần học tập bắt buộc và tự chọn; bảo đảm sự linh hoạt để người học lựa chọn nội dung, xây dựng kế hoạch và lộ trình học tập phù hợp với năng lực, nhu cầu và định hướng phát triển nghề nghiệp.

2. Mỗi học phần hoặc thành phần của chương trình đào tạo được mô tả thông qua mục tiêu, chuẩn đầu ra, số tín chỉ, nội dung chính và vai trò đóng góp trong việc thực hiện mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

3. Đối với chương trình đào tạo trình độ đại học, chương trình đào tạo bậc 6 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam:

a) Có khối kiến thức giáo dục đại cương, bao gồm cả các môn học, học phần bắt buộc sử dụng chung trong chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học như lý luận chính trị, pháp luật, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và an ninh hoặc các môn học khác theo quy định hiện hành;

b) Có khối kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành, nội dung chuyên sâu và các nội dung bổ trợ bao gồm cả kiến thức liên ngành, ngoại ngữ, năng lực số, trí tuệ nhân tạo (AI) và các kiến thức, kỹ năng cần thiết khác nhằm đạt mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra;

c) Đối với chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu, học thuật: cấu trúc chương trình phải tăng cường các học phần, hoạt động nghiên cứu khoa học, học thuật và đổi mới sáng tạo; có khóa luận hoặc hình thức đánh giá tổng hợp tương đương;

d) Đối với chương trình đào tạo định hướng ứng dụng, chuyên nghiệp: cấu trúc chương trình phải tăng cường các hoạt động thực hành, thực tập, trải nghiệm nghề nghiệp, dự án hoặc đồ án gắn với thực tiễn nghề nghiệp.

4. Đối với chương trình đào tạo chuyên sâu bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam:

a) Khối lượng thực hành, thực tập ít nhất 08 tín chỉ;

b) Tăng cường các học phần chuyên sâu, hoạt động thực hành, thực tập, trải nghiệm nghề nghiệp hoặc hoạt động học thuật khác phù hợp với mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra;

c) Cấu trúc chương trình phải bảo đảm tăng cường phát triển năng lực chuyên sâu của người học theo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra.

5. Đối với chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ:

a) Chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu, học thuật phải dành từ 24 đến 30 tín chỉ cho hoạt động nghiên cứu khoa học, trong đó luận văn có khối lượng 12 đến 15 tín chỉ;

b) Chương trình đào tạo định hướng ứng dụng, chuyên nghiệp phải dành từ 06 đến 09 tín chỉ cho hoạt động thực tập và 06 đến 09 tín chỉ cho đề án, đồ án hoặc dự án tốt nghiệp;

c) Cấu trúc chương trình phải bảo đảm phát triển năng lực nghiên cứu hoặc năng lực nghề nghiệp phù hợp với mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra.

6. Đối với chương trình đào tạo tiến sĩ:

a) Chương trình đào tạo tiến sĩ phải lấy hoạt động nghiên cứu khoa học và thực hiện luận án làm trọng tâm; khối lượng học tập của các hoạt động này chiếm ít nhất 80% tổng khối lượng học tập của chương trình đào tạo;

b) Đối với người học có trình độ đầu vào bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam, tổng khối lượng học tập của các học phần trong chương trình đào tạo tiến sĩ không vượt quá 16 tín chỉ;

c) Đối với người học có trình độ đầu vào bậc 6 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam, tổng khối lượng học tập của các học phần trong chương trình đào tạo tiến sĩ tối thiểu 30 tín chỉ.

7. Đối với chương trình đào tạo liên ngành hoặc xuyên ngành, cấu trúc chương trình phải bảo đảm sự tích hợp, kết nối và bổ trợ giữa các lĩnh vực, ngành hoặc nội dung chuyên môn; chuẩn đầu ra phải phản ánh năng lực liên ngành hoặc xuyên ngành.

8. Đối với chương trình đào tạo song ngành, cấu trúc chương trình phải bảo đảm đáp ứng chuẩn đầu ra của cả hai ngành đào tạo; phần khối lượng học tập riêng của từng ngành ngoài các học phần được sử dụng chung hoặc được công nhận tương đương giữa hai ngành phải có ít nhất 30 tín chỉ.

9. Đối với chương trình đào tạo ngành chính - ngành phụ, cấu trúc chương trình phải bảo đảm đáp ứng chuẩn đầu ra của ngành chính và các yêu cầu cốt lõi của ngành phụ; phần khối lượng học tập riêng của ngành phụ ngoài các học phần được sử dụng chung hoặc được công nhận tương đương với ngành chính phải có ít nhất 15 tín chỉ.

10. Đối với chương trình đào tạo có định hướng hoặc yêu cầu riêng bao gồm cả chương trình kỹ sư tài năng, chương trình cử nhân tài năng hoặc các chương trình tương ứng khác, cấu trúc chương trình phải thể hiện rõ các yêu cầu riêng về mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra, nội dung đào tạo và hoạt động học tập.

11. Đối với chương trình đào tạo tích hợp, cấu trúc chương trình phải bảo đảm tính liên thông giữa các giai đoạn hoặc trình độ đào tạo; xác định rõ yêu cầu đầu vào, điều kiện chuyển tiếp và chuẩn đầu ra của từng giai đoạn; bảo đảm chuẩn đầu ra của trình độ đào tạo cuối cùng theo mục tiêu đào tạo của chương trình.

Điều 9. Phương pháp giảng dạy và kiểm tra, đánh giá

1. Phương pháp giảng dạy phải phù hợp với mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra và đặc điểm của người học; thúc đẩy năng lực tự học, học tập suốt đời, tư duy phản biện, đổi mới sáng tạo và tinh thần khởi nghiệp.

2. Hoạt động kiểm tra, đánh giá phải dựa trên chuẩn đầu ra; bảo đảm đánh giá được mức độ đạt chuẩn đầu ra của học phần và chương trình đào tạo.

3. Phương pháp giảng dạy, hoạt động học tập và kiểm tra, đánh giá phải được thiết kế thống nhất, phù hợp với mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

Điều 10. Yêu cầu về giảng viên và nhân sự hỗ trợ

1. Chương trình đào tạo phải bảo đảm có đội ngũ giảng viên và nhân sự hỗ trợ đáp ứng yêu cầu tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, phù hợp với mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra và trình độ đào tạo, trong đó:

a) Đội ngũ giảng viên có cơ cấu phù hợp về trình độ, chuyên môn và năng lực học thuật hoặc năng lực nghề nghiệp, đáp ứng mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; bảo đảm tỷ lệ người học trên giảng viên không vượt quá tỷ lệ quy định cho từng ngành, nhóm ngành hoặc lĩnh vực đào tạo;

b) Đội ngũ nhân sự hỗ trợ kỹ thuật, quản lý đào tạo, thư viện, công nghệ thông tin, phòng thí nghiệm, thực hành và các vị trí hỗ trợ khác đáp ứng yêu cầu tổ chức thực hiện chương trình đào tạo;

c) Giảng viên cơ hữu giữ vai trò nòng cốt trong tổ chức thực hiện và tham gia giảng dạy trong chương trình đào tạo; tỷ lệ khối lượng học tập do giảng viên cơ hữu trực tiếp đảm nhiệm không thấp hơn 75% đối với chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu, học thuật; không thấp hơn 65% đối với chương trình đào tạo định hướng ứng dụng, chuyên nghiệp và không thấp hơn 60% đối với chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực nghệ thuật, thể thao, tiếng dân tộc thiểu số Việt Nam hoặc ngôn ngữ hiếm;

d) Tổng thời lượng giảng dạy của giảng viên phải phù hợp với định mức giờ chuẩn giảng dạy và số giờ giảng dạy vượt định mức theo quy định của pháp luật và quy định của Trường; trong đó, đơn vị đào tạo xác định tỷ lệ khối lượng học tập do giảng viên toàn thời gian và giảng viên có trình độ tiến sĩ trực tiếp giảng dạy, nhưng không được thấp hơn yêu cầu tối thiểu quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này.

2. Đối với chương trình đào tạo trình độ đại học và chương trình đào tạo bậc 6 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam:

a) Giảng viên có trình độ thạc sĩ trở lên; trợ giảng có trình độ đại học trở lên;

b) Giảng viên toàn thời gian có trình độ tiến sĩ trực tiếp giảng dạy ít nhất 50% tổng khối lượng học tập thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành và kiến thức chuyên sâu.

3. Đối với chương trình đào tạo chuyên sâu bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam và chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ:

a) Giảng viên có trình độ tiến sĩ, trong đó có giáo sư hoặc phó giáo sư ngành phù hợp;

b) Giảng viên toàn thời gian trực tiếp giảng dạy ít nhất 75% khối lượng học tập thuộc khối kiến thức ngành và kiến thức chuyên sâu và các học phần ở trình độ thạc sĩ của chương trình đào tạo tích hợp.

4. Đối với chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ:

a) Giảng viên trực tiếp giảng dạy trong chương trình đào tạo có trình độ tiến sĩ, thường xuyên tham gia đào tạo sau đại học và duy trì hoạt động nghiên cứu, công bố khoa học hằng năm;

b) Giảng viên toàn thời gian có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, có chuyên môn ngành phù hợp trực tiếp giảng dạy ít nhất 35% tổng khối lượng học tập của các học phần, chuyên đề lý thuyết thuộc khối kiến thức ngành và kiến thức chuyên sâu;

c) Có đủ đội ngũ giảng viên đáp ứng tiêu chuẩn người hướng dẫn nghiên cứu sinh theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo sau đại học ban hành kèm theo Thông tư số 53/2026/TT-BGDĐT và Quy chế tuyển sinh và đào tạo sau đại học của Trường;

d) Có đủ nhân sự có trình độ và chuyên môn phù hợp đáp ứng yêu cầu về Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo sau đại học ban hành kèm theo Thông tư số 53/2026/TT-BGDĐT và Quy chế tuyển sinh và đào tạo sau đại học của Trường.

5. Yêu cầu đối với một số chương trình đào tạo cụ thể:

a) Đối với chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực nghệ thuật, thể thao, ngôn ngữ hoặc đào tạo giáo viên tiếng dân tộc thiểu số Việt Nam, ngôn ngữ hiếm, yêu cầu về trình độ, chuyên môn của giảng viên và tỷ lệ khối lượng học tập do giảng viên toàn thời gian đảm nhận được quy định chi tiết tại chuẩn chương trình đào tạo ở lĩnh vực, nhóm ngành hoặc ngành tương ứng nhưng không được thấp hơn 25% mức quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này;

b) Đối với chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực nghệ thuật, thể thao, giảng viên được phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân hoặc Nghệ nhân Nhân dân có trình độ thạc sĩ được tham gia giảng dạy ở trình độ đại học và trình độ thạc sĩ; số lượng giảng viên thuộc trường hợp này không vượt quá 50% tổng số giảng viên tham gia giảng dạy của chương trình đào tạo;

c) Đối với chương trình đào tạo ngôn ngữ hoặc đào tạo giáo viên tiếng dân tộc thiểu số Việt Nam, ngôn ngữ hiếm, giảng viên là người dân tộc thiểu số hoặc có hiểu biết, kinh nghiệm về ngôn ngữ, văn hóa dân tộc thiểu số hoặc ngôn ngữ hiếm có trình độ đại học được tham gia giảng dạy ở trình độ đại học; có trình độ thạc sĩ được tham gia giảng dạy ở trình độ đại học và trình độ thạc sĩ; số

lượng giảng viên thuộc trường hợp này không vượt quá 60% tổng số giảng viên tham gia giảng dạy của chương trình đào tạo;

d) Đối với chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực sức khỏe, giảng viên giảng dạy hoặc hướng dẫn thực hành các học phần liên quan đến khám bệnh, chữa bệnh phải có giấy phép hành nghề phù hợp; có tối thiểu 02 năm kinh nghiệm giảng dạy từ trình độ đại học trở lên hoặc kinh nghiệm chuyên môn phù hợp; đã hoặc đang trực tiếp làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 11. Cơ sở vật chất, học liệu và môi trường học tập

1. Cơ sở vật chất, cơ sở thực hành, thực tập, trang thiết bị và môi trường học tập đáp ứng yêu cầu tổ chức thực hiện chương trình đào tạo phù hợp với trình độ đào tạo, ngành, lĩnh vực đào tạo và phương thức tổ chức đào tạo.

2. Đối với chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực sức khỏe, đơn vị đào tạo có trách nhiệm đề xuất và phối hợp với các đơn vị có liên quan thuộc và trực thuộc Trường trong việc lựa chọn, thiết lập và duy trì quan hệ phối hợp với cơ sở thực hành; tổ chức thực hiện chương trình thực hành tại cơ sở thực hành đáp ứng các yêu cầu theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh, các yêu cầu cụ thể tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quy định này và các quy định tại Chuẩn cơ sở giáo dục đại học;

3. Đối với chương trình đào tạo giáo viên, đơn vị đào tạo chủ động đề xuất cơ sở thực hành sư phạm và phối hợp với các đơn vị có liên quan thuộc và trực thuộc Trường để thiết lập, duy trì quan hệ hợp tác với các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục phù hợp, phục vụ tổ chức thực hành nghề nghiệp, thực tập sư phạm và đánh giá năng lực nghề nghiệp của người học;

4. Đối với chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực nghệ thuật, thể thao, đơn vị đào tạo chủ động đề xuất và phối hợp với các đơn vị có liên quan thuộc và trực thuộc Trường trong việc thiết lập, duy trì cơ sở thực hành, biểu diễn, tập luyện hoặc thi đấu, đáp ứng yêu cầu tổ chức đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;

5. Mỗi học phần phải có giáo trình hoặc học liệu phù hợp với mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra, nội dung học phần và trình độ đào tạo; bảo đảm tính khoa học, tính cập nhật, tuân thủ quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ và các quy định khác của pháp luật; không có nội dung vi phạm pháp luật, xâm hại quốc phòng, an ninh quốc gia, lợi ích cộng đồng; xuyên tạc chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước hoặc trái với văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục.

6. Hệ thống thư viện, học liệu số, tài nguyên học tập, nền tảng công nghệ thông tin và các hệ thống hỗ trợ đào tạo phải đáp ứng yêu cầu tổ chức thực hiện chương trình đào tạo; bảo đảm khả năng tiếp cận, khai thác, quản lý, lưu trữ dữ liệu và an toàn thông tin.

CHƯƠNG III

XÂY DỰNG, THẨM ĐỊNH, BAN HÀNH VÀ PHÊ DUYỆT TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO[1]

Điều 12. Quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo

1. Đơn vị đào tạo chủ động xây dựng, phát triển chương trình đào tạo thuộc phạm vi phụ trách; chịu trách nhiệm về chất lượng chương trình đào tạo và thực hiện trách nhiệm giải trình theo quy định của pháp luật và của Trường.

2. Khi xây dựng chương trình, đơn vị đào tạo phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

a) Thuộc một ngành trong Danh mục ngành đào tạo do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; đối với chương trình đào tạo liên ngành, xuyên ngành, ngành đào tạo được xác định theo ngành có tỷ trọng khối lượng học tập lớn nhất hoặc theo mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra của chương trình; trường hợp tỷ trọng khối lượng học tập bằng nhau thì chương trình đào tạo được xếp vào ngành đào tạo có số học phần bắt buộc chiếm ưu thế; trường hợp có số học phần bắt buộc bằng nhau thì chương trình đào tạo sẽ được xếp vào ngành đào tạo được nêu tên đầu tiên trong tên của chương trình đào tạo;

b) Được xây dựng trên cơ sở chuẩn chương trình đào tạo ở trình độ theo ngành, nhóm ngành hoặc lĩnh vực đào tạo tương ứng;

c) Được tham khảo, đối sánh với chuẩn nghề nghiệp, chuẩn năng lực, yêu cầu hành nghề, chương trình đào tạo và các thông lệ học thuật phù hợp trong nước và quốc tế;

d) Bảo đảm sự thống nhất giữa mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra, nội dung đào tạo, phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá và các điều kiện bảo đảm chất lượng;

đ) Phù hợp với sứ mạng, chiến lược phát triển và năng lực tổ chức thực hiện của Trường;

e) Có sự khác biệt phù hợp về mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra, cấu trúc hoặc định hướng đào tạo giữa các chương trình đào tạo cùng ngành.

3. Hiệu trưởng quyết định thành lập Tổ xây dựng chương trình đào tạo (sau đây gọi chung là Tổ xây dựng chương trình) với số lượng thành viên là số lẻ, từ 07 đến 11 thành viên. Thành phần Tổ xây dựng chương trình bao gồm:

a) Đại diện giảng viên am hiểu về ngành, chuyên ngành đào tạo, trực tiếp tham gia giảng dạy hoặc quản lý đào tạo của Trường, có năng lực xây dựng và phát triển chương trình đào tạo;

---

[1] Hồ sơ biểu mẫu cụ thể được quy định tại Quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành và phê duyệt tổ chức thực hiện chương trình đào tạo của Trường Đại học Thủ Dầu Một.

b) Cán bộ quản lý đào tạo và các chuyên gia phát triển chương trình đào tạo và bảo đảm chất lượng giáo dục đại học;

c) Đại diện giới tuyển dụng lao động trong lĩnh vực chuyên môn liên quan, có am hiểu về yêu cầu năng lực nghề nghiệp và các vị trí việc làm trong lĩnh vực đào tạo;

4. Nhiệm vụ của Tổ xây dựng chương trình

a) Xây dựng chương trình đào tạo trên cơ sở các quy định của pháp luật, các quy định của Trường và bảo đảm tuân thủ các yêu cầu đối với chương trình đào tạo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai việc xây dựng chương trình đào tạo theo yêu cầu và tiến độ được phê duyệt;

c) Thu thập, phân tích và tổng hợp ý kiến của các bên liên quan phục vụ xây dựng chương trình đào tạo;

d) Tổ chức lấy ý kiến góp ý đối với dự thảo chương trình đào tạo; tiếp thu, giải trình và hoàn thiện dự thảo trên cơ sở các ý kiến góp ý phù hợp;

đ) Hoàn thiện hồ sơ chương trình đào tạo và trình đơn vị đào tạo xem xét, báo cáo lãnh đạo Trường theo quy định;

e) Phối hợp với Hội đồng thẩm định và các đơn vị có liên quan trong quá trình thẩm định, hoàn thiện chương trình đào tạo theo kết luận của Hội đồng thẩm định.

5. Chương trình đào tạo phải được thẩm định trước khi ban hành:

a) Hội đồng Khoa học và Đào tạo thực hiện thẩm định và chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định; các thành viên trực tiếp tham gia xây dựng chương trình đào tạo không tham gia thẩm định; Chủ tịch Hội đồng có thể mời chuyên gia, nhà khoa học, nhà tuyển dụng hoặc thành phần phù hợp khác tham gia thẩm định;

b) Thành viên tham gia thẩm định phải có chuyên môn phù hợp, am hiểu và có kinh nghiệm về phát triển chương trình đào tạo, nghiên cứu khoa học hoặc thực tiễn nghề nghiệp liên quan.

6. Nội dung thẩm định chương trình đào tạo bao gồm:

a) Việc đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Mức độ đáp ứng chuẩn chương trình đào tạo, Khung trình độ quốc gia Việt Nam và các quy định của pháp luật có liên quan;

c) Tính khả thi trong tổ chức thực hiện và khả năng duy trì các điều kiện bảo đảm chất lượng;

d) Sự phù hợp với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực và yêu cầu phát triển ngành, lĩnh vực đào tạo.

7. Căn cứ kết quả thẩm định, Hiệu trưởng quyết định ban hành chương trình đào tạo và chịu trách nhiệm về chất lượng chương trình đào tạo theo quy định của pháp luật và của Trường.

8. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày ban hành chương trình đào tạo:

a) Đơn vị quản lý đào tạo thực hiện cập nhật dữ liệu chương trình đào tạo trên hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành về giáo dục đại học theo quy định;

b) Đơn vị phụ trách công tác truyền thông thực hiện công khai chương trình đào tạo trên cổng thông tin điện tử của Trường; đơn vị đào tạo thực hiện công khai chương trình đào tạo trên trang thông tin điện tử của đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được phân công; bảo đảm thông tin được cập nhật và duy trì trong suốt thời gian chương trình đào tạo còn hiệu lực.

9. Đối với chương trình đào tạo cấp chứng chỉ giáo dục đại học:

a) Được thiết kế độc lập hoặc tích hợp từ một hoặc một số thành phần của chương trình đào tạo cấp văn bằng nhằm hình thành, cập nhật hoặc nâng cao năng lực của người học;

b) Xác định rõ mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra, nội dung đào tạo, khối lượng học tập và phương thức đánh giá;

c) Bảo đảm khả năng tích lũy, công nhận hoặc chuyển đổi kết quả học tập theo quy định của Trường.

10. Việc xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo, cập nhật dữ liệu và công khai thông tin đối với chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực an ninh, quốc phòng thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Điều 13. Rà soát, đánh giá năng lực bảo đảm tổ chức thực hiện chương trình đào tạo

1. Hiệu trưởng quyết định thành lập Hội đồng rà soát, đánh giá năng lực tổ chức thực hiện chương trình đào tạo (sau đây gọi là Hội đồng), gồm đại diện đơn vị quản lý đào tạo, đơn vị đào tạo, đơn vị phụ trách bảo đảm chất lượng và các đơn vị có liên quan, chuyên gia có chuyên môn phù hợp; Hội đồng thực hiện rà soát, đánh giá trước khi Hiệu trưởng quyết định hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền phê duyệt việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.

2. Nội dung rà soát, đánh giá năng lực tổ chức thực hiện chương trình đào tạo bao gồm:

a) Mức độ đáp ứng các yêu cầu của chuẩn chương trình đào tạo của trình độ tương ứng quy định tại Chương II của Quy định này và chuẩn chương trình đào tạo theo ngành, nhóm ngành hoặc lĩnh vực đào tạo;

b) Việc đáp ứng các yêu cầu đặc thù đối với ngành, lĩnh vực và trình độ đào tạo theo quy định của pháp luật có liên quan;

c) Khả năng duy trì các điều kiện bảo đảm chất lượng trong quá trình tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.

3. Kết quả rà soát, đánh giá năng lực tổ chức thực hiện chương trình đào tạo là căn cứ để Hiệu trưởng:

a) Đề nghị Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, phê duyệt tổ chức thực hiện đối với các chương trình đào tạo thuộc thẩm quyền quy định của Bộ trưởng tại Điều 14 của Quy định này;

b) Quyết định phê duyệt tổ chức thực hiện đối với các chương trình đào tạo thuộc thẩm quyền quy định của Hiệu trưởng tại Điều 15 của Quy định này.

4. Việc rà soát và phê duyệt tổ chức thực hiện chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực an ninh, quốc phòng thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Điều 14. Phê duyệt tổ chức thực hiện chương trình đào tạo thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Đối với các chương trình đào tạo thuộc thẩm quyền phê duyệt tổ chức thực hiện của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường thực hiện đề nghị Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt theo quy định của pháp luật, bao gồm:

a) Chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ thuộc các ngành đào tạo giáo viên, lĩnh vực sức khỏe, lĩnh vực pháp luật;

b) Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ thuộc các ngành, nhóm ngành, lĩnh vực: báo chí; khoa học giáo dục và lĩnh vực an ninh, quốc phòng;

c) Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường chưa đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 15 của Quy định này.

2. Đơn vị đào tạo có trách nhiệm phối hợp với đơn vị quản lý đào tạo và các đơn vị, cá nhân có liên quan chuẩn bị hồ sơ đề nghị phê duyệt tổ chức thực hiện chương trình đào tạo. Đơn vị quản lý đào tạo chủ trì rà soát, hoàn thiện hồ sơ và trình Hiệu trưởng xem xét, ký văn bản đề nghị Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt theo quy định. Hồ sơ đề nghị phê duyệt bao gồm:

a) Văn bản đề nghị phê duyệt tổ chức thực hiện chương trình đào tạo;

b) Dữ liệu, tài liệu và minh chứng phục vụ việc rà soát, đánh giá, bao gồm: chương trình đào tạo, báo cáo thẩm định, quyết định ban hành chương trình đào tạo và báo cáo kết quả rà soát, đánh giá năng lực tổ chức thực hiện chương trình đào tạo theo quy định tại khoản 2 Điều 13 của Quy định này.

3. Hồ sơ đề nghị phê duyệt tổ chức thực hiện chương trình đào tạo được nộp trên Hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành về giáo dục đại học và Cổng dịch vụ công quốc gia, trừ hồ sơ của chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực an ninh, quốc phòng được thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Đối với chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực sức khỏe và lĩnh vực pháp luật, Trường thực hiện các yêu cầu về chuyên môn, thực hành theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 15. Phê duyệt tổ chức thực hiện chương trình đào tạo thuộc thẩm quyền của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một

1. Hiệu trưởng quyết định phê duyệt tổ chức thực hiện chương trình đào tạo thuộc phạm vi cấp phép hoạt động giáo dục đại học theo quy định của Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15, trừ các trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tại Điều 14 của Quy định này.

2. Đối với các chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ mới thuộc các ngành và trình độ đào tạo đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tổ chức thực hiện trước ngày Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15 có hiệu lực thi hành, trừ các chương trình đào tạo tiến sĩ thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tại Điều 14 của Quy định này, Hiệu trưởng quyết định phê duyệt tổ chức thực hiện khi Trường bảo đảm đầy đủ các yêu cầu sau đây:

a) Đáp ứng các tiêu chí của cơ sở đào tạo tiến sĩ theo chuẩn cơ sở giáo dục đại học do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

b) Nhóm ngành đào tạo có ít nhất 15 giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ ngành có chuyên môn phù hợp; trong đó có tối thiểu 25% có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư được xác định tại ngày 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm tổ chức đào tạo và phải được duy trì trong suốt quá trình tổ chức đào tạo;

c) Đơn vị cấp khoa hoặc tương đương của nhóm ngành đào tạo đã có ít nhất 05 nghiên cứu sinh tốt nghiệp trình độ tiến sĩ đúng hạn theo thời gian học tập chuẩn; đối với lĩnh vực nghệ thuật, ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài, đã có ít nhất 02 nghiên cứu sinh tốt nghiệp trình độ tiến sĩ đúng hạn theo thời gian học tập chuẩn và được cấp bằng trong vòng 05 năm gần nhất.

3. Việc xây dựng, thẩm định, phê duyệt, tổ chức thực hiện, rà soát và cải tiến chương trình đào tạo thuộc thẩm quyền được thực hiện theo quy trình nội bộ do Trường ban hành, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và Quy định này.

Điều 16. Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo

1. Trường tổ chức tuyển sinh theo quy định; đơn vị đào tạo tổ chức thực hiện chương trình đào tạo theo quyết định của cấp có thẩm quyền, chương trình đào tạo đã được ban hành và quy định của Trường; chịu trách nhiệm về chất lượng thực hiện chương trình đào tạo và thực hiện trách nhiệm giải trình theo quy định.

2. Việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo được quản lý theo nguyên tắc hậu kiểm, gắn với trách nhiệm giải trình trên cơ sở:

a) Mức độ đáp ứng chuẩn chương trình đào tạo;

b) Việc duy trì, vận hành hiệu quả hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong;

c) Dữ liệu, tài liệu và minh chứng được cập nhật đầy đủ, chính xác trên hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành về giáo dục đại học và được công khai theo quy định;

d) Kết quả kiểm định chất lượng cơ sở đào tạo hoặc chương trình đào tạo (nếu có).

3. Đơn vị đào tạo tổ chức đào tạo theo phương thức trực tuyến hoặc kết hợp giữa trực tuyến và trực tiếp phải bảo đảm đáp ứng chuẩn chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra và chất lượng tương đương với hình thức đào tạo trực tiếp theo quy định của pháp luật.

4. Trường không tổ chức thực hiện chương trình đào tạo mới thuộc cùng ngành đào tạo với chương trình đào tạo đang bị đình chỉ tuyển sinh hoặc đình chỉ hoạt động đào tạo trong thời gian quyết định đình chỉ còn hiệu lực.

5. Trường có trách nhiệm:

a) Ban hành và tổ chức thực hiện quy định nội bộ về quản lý đào tạo và bảo đảm chất lượng;

b) Bảo đảm có bộ máy quản lý, điều hành và nhân sự hỗ trợ phù hợp với quy mô và phương thức tổ chức đào tạo;

c) Thực hiện công khai, cập nhật và lưu trữ hồ sơ, dữ liệu và minh chứng của chương trình đào tạo theo quy định của pháp luật.

6. Trường xem xét chấm dứt hiệu lực quyết định phê duyệt tổ chức thực hiện chương trình đào tạo hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền chấm dứt hiệu lực quyết định phê duyệt theo thẩm quyền, sau khi kiểm tra, xác minh, yêu cầu đơn vị đào tạo giải trình và xây dựng phương án bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người học trong các trường hợp sau đây:

a) Chương trình đào tạo không tổ chức tuyển sinh hoặc dừng tuyển sinh trong thời hạn 03 năm liên tục;

b) Quy mô đào tạo của chương trình trong 03 năm liên tiếp mỗi năm giảm trên 30%, trừ trường hợp việc giảm quy mô phù hợp với định hướng phát triển của Trường.

7. Trường hợp quyết định phê duyệt tổ chức thực hiện chương trình đào tạo bị chấm dứt hiệu lực theo khoản 6 Điều này, Trường không được tiếp tục tuyển sinh và tổ chức đào tạo chương trình; trường hợp có nhu cầu tổ chức thực hiện trở lại, chương trình đào tạo phải được phê duyệt theo quy định tại Điều 14 hoặc Điều 15 của Quy định này.

Điều 17. Duy trì, tự đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo

1. Trường thực hiện tự đánh giá thường xuyên và định kỳ chương trình đào tạo thông qua hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong, bao gồm việc đo lường, đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của người học.

2. Việc đo lường, đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của người học được thực hiện theo nguyên tắc quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định

này. Kết quả đánh giá là căn cứ để cải tiến hoạt động dạy học, kiểm tra, đánh giá và chương trình đào tạo.

3. Chương trình đào tạo được rà soát, đánh giá và cập nhật định kỳ ít nhất sau mỗi 02 khóa có người học tốt nghiệp hoặc theo yêu cầu phát triển và bảo đảm chất lượng của chương trình đào tạo.

4. Căn cứ kết quả tự đánh giá, đo lường, đánh giá chuẩn đầu ra và rà soát chương trình đào tạo, Hiệu trưởng quyết định việc sửa đổi, bổ sung chương trình đào tạo.

5. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định sửa đổi, bổ sung chương trình đào tạo, đơn vị quản lý đào tạo có trách nhiệm cập nhật thông tin trên hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành về giáo dục đại học.

6. Việc duy trì, tự đánh giá, đo lường, đánh giá chuẩn đầu ra, cải tiến chương trình đào tạo và cập nhật dữ liệu đối với chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực an ninh, quốc phòng thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Điều 18. Giám sát việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo

1. Trường thường xuyên theo dõi, giám sát việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo; kịp thời phát hiện và khắc phục các hạn chế, vi phạm trong quá trình đào tạo.

2. Trường hợp chương trình đào tạo không còn đáp ứng các quy định của Quy định này hoặc các yêu cầu bảo đảm chất lượng đã được rà soát, đánh giá theo quy định tại Điều 13 của Quy định này, Trường phải kịp thời thực hiện các biện pháp khắc phục trong thời hạn không quá 01 học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn của chương trình đào tạo.

3. Trường hợp không bảo đảm điều kiện để tiếp tục tổ chức đào tạo, Trường phải tạm dừng tuyển sinh hoặc thực hiện các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Trường chịu sự giám sát của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo thông qua hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành về giáo dục đại học, hoạt động kiểm tra và các hình thức giám sát khác theo quy định của pháp luật; các đơn vị có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời hồ sơ, dữ liệu, minh chứng phục vụ công tác giám sát, kiểm tra.

Điều 19. Đình chỉ tuyển sinh, đình chỉ hoạt động đào tạo và chấm dứt thực hiện chương trình đào tạo

1. Đình chỉ tuyển sinh là việc dừng tuyển sinh các khóa mới đối với chương trình đào tạo trong các trường hợp sau đây:

a) Không duy trì việc đáp ứng các yêu cầu về đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, học liệu, chương trình đào tạo và các yêu cầu bảo đảm chất lượng khác theo quy định của Quy định này;

b) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc cập nhật dữ liệu, công khai thông tin và trách nhiệm giải trình theo quy định;

c) Không thực hiện yêu cầu khắc phục sau giám sát, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn được yêu cầu;

d) Trường hợp khác theo kết luận thanh tra, kiểm tra hoặc quyết định của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Đình chỉ hoạt động đào tạo là việc dừng tổ chức đào tạo đối với chương trình đào tạo trong các trường hợp sau đây:

a) Không khắc phục được nguyên nhân dẫn đến bị đình chỉ tuyển sinh trong thời hạn theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

b) Không còn đáp ứng các yêu cầu tối thiểu để duy trì hoạt động đào tạo theo quy định của Quy định này;

c) Việc tiếp tục tổ chức đào tạo có nguy cơ ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng đào tạo hoặc quyền, lợi ích hợp pháp của người học;

d) Trường hợp cơ quan có thẩm quyền kết luận hoặc quyết định phải đình chỉ hoạt động đào tạo theo quy định của pháp luật.

3. Chương trình đào tạo bị chấm dứt thực hiện trong các trường hợp sau đây:

a) Tổ chức thực hiện khi chưa được phê duyệt của cấp có thẩm quyền theo quy định tại Quy định này;

b) Có hành vi gian lận, giả mạo hoặc cung cấp thông tin, dữ liệu, minh chứng không trung thực trong quá trình phê duyệt hoặc tổ chức thực hiện;

c) Tái phạm hành vi vi phạm đã dẫn đến bị đình chỉ hoạt động đào tạo;

d) Vi phạm nghiêm trọng quy định của Quy định này làm ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo hoặc quyền, lợi ích hợp pháp của người học;

đ) Trường hợp buộc phải chấm dứt thực hiện theo kết luận thanh tra, kiểm tra hoặc quyết định của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

4. Thời hạn đình chỉ tuyển sinh, đình chỉ hoạt động đào tạo không quá 12 tháng. Trong thời gian chương trình đào tạo bị đình chỉ tuyển sinh, đình chỉ hoạt động đào tạo hoặc bị chấm dứt thực hiện, Trường có trách nhiệm xây dựng và thực hiện phương án bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người học theo quy định của pháp luật.

5. Chương trình đào tạo bị đình chỉ tuyển sinh, đình chỉ hoạt động đào tạo được tiếp tục tổ chức thực hiện khi Trường đã khắc phục đầy đủ nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ chậm nhất đến thời điểm kết thúc thời hạn đình chỉ và được cấp có thẩm quyền xác nhận thông qua hoạt động giám sát, kiểm tra theo quy định của pháp luật.

6. Việc đình chỉ tuyển sinh, đình chỉ hoạt động đào tạo và chấm dứt thực hiện chương trình đào tạo được thực hiện như sau:

a) Trường chủ động dừng tuyển sinh, dừng tổ chức thực hiện chương trình đào tạo khi không còn đáp ứng các yêu cầu theo quy định của pháp luật và Quy định này; đồng thời thực hiện báo cáo, cập nhật dữ liệu theo quy định;

b) Trường hợp thuộc thẩm quyền của cấp có thẩm quyền khác, Trường báo cáo, đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật.

7. Đối với chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực an ninh, quốc phòng:

a) Việc đình chỉ tuyển sinh, đình chỉ hoạt động đào tạo và chấm dứt thực hiện chương trình đào tạo thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và Bộ trưởng Bộ Công an;

b) Trường hợp phát hiện vi phạm qua hoạt động kiểm tra, giám sát hoặc theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền thì việc xử lý được thực hiện theo quy định của pháp luật.

8. Trường có trách nhiệm khắc phục nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ tuyển sinh, đình chỉ hoạt động đào tạo hoặc chấm dứt thực hiện chương trình đào tạo theo quy định của pháp luật và Quy định này; báo cáo cấp có thẩm quyền sau khi hoàn thành việc khắc phục.

9. Quyết định đình chỉ tuyển sinh, đình chỉ hoạt động đào tạo hoặc chấm dứt thực hiện chương trình đào tạo; kết quả giám sát, kiểm tra; kết quả xác nhận việc khắc phục nguyên nhân dẫn đến đình chỉ và quyết định xử lý vi phạm (nếu có) được công khai trên cổng thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền và Trường Đại học Thủ Dầu Một theo quy định của pháp luật.

10. Trường hợp bị chấm dứt thực hiện, chương trình đào tạo chỉ được tổ chức thực hiện trở lại sau khi được phê duyệt theo quy định tại Điều 14 hoặc Điều 15 của Quy định này.

Điều 20. Chế độ báo cáo, công khai, trách nhiệm giải trình

1. Trường có trách nhiệm:

a) Thực hiện báo cáo định kỳ hằng năm;

b) Thực hiện báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

c) Cập nhật đầy đủ, kịp thời dữ liệu về chương trình đào tạo trên hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành về giáo dục đại học theo quy định.

2. Báo cáo, cập nhật định kỳ hằng năm được thực hiện trước ngày 31 tháng 12 trên hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành về giáo dục đại học; đối với chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực an ninh, quốc phòng: việc báo cáo, cập nhật thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

3. Nội dung báo cáo bao gồm:

a) Thông tin pháp lý và tình trạng hoạt động của chương trình đào tạo;

b) Chương trình đào tạo và các thay đổi, cập nhật (nếu có);

c) Yêu cầu bảo đảm chất lượng theo quy định của Quy định này;

d) Kết quả tự đánh giá, kiểm định, cải tiến chương trình đào tạo.

4. Trường có trách nhiệm công khai, duy trì và cập nhật thường xuyên trên cổng thông tin điện tử các thông tin về chương trình đào tạo bao gồm những nội dung sau đây, trừ chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực an ninh, quốc phòng thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng:

a) Mục tiêu, chuẩn đầu ra và cấu trúc chương trình đào tạo;

b) Yêu cầu bảo đảm chất lượng;

c) Thông tin tuyển sinh và yêu cầu đầu vào;

d) Kết quả đào tạo (tỷ lệ tốt nghiệp, thời gian hoàn thành);

đ) Thông tin việc làm và phản hồi của người học sau tốt nghiệp;

e) Kế hoạch học tập toàn khóa học;

g) Học phí và các khoản thu liên quan (nếu có).

5. Thông tin quy định tại khoản 4 Điều này phải được công khai trước khi tổ chức tuyển sinh và được cập nhật khi có thay đổi.

6. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức quản lý và giám sát dữ liệu chương trình đào tạo; bảo đảm tính đầy đủ, chính xác, trung thực và kịp thời của thông tin báo cáo, thông tin công khai; thực hiện trách nhiệm giải trình theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Hiệu lực thi hành

Hiệu lực thi hành và việc thay thế các văn bản trước đây thực hiện theo Quyết định ban hành Quy định này.

Điều 22. Điều khoản chuyển tiếp

1. Trường tiếp tục tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tổ chức thực hiện trước ngày 30 tháng 6 năm 2026 (thời điểm Thông tư số 54/2026/TT-BGDĐT có hiệu lực). Đối với chương trình đào tạo thuộc các ngành đào tạo giáo viên, lĩnh vực sức khỏe, lĩnh vực pháp luật và chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ được xây dựng, ban hành sau ngày 30 tháng 6 năm 2026, việc phê duyệt tổ chức thực hiện được thực hiện theo quy định tại Quy định này.

2. Trong thời hạn 36 tháng kể từ ngày Thông tư số 54/2026/TT-BGDĐT có hiệu lực, Trường tổ chức rà soát toàn diện và hoàn thiện các chương trình đào tạo đang thực hiện (bao gồm chuẩn đầu ra, cấu trúc học phần, giáo trình, học

liệu và điều kiện đội ngũ giảng viên và nhân sự hỗ trợ) để bảo đảm đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của Quy định này và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Trường hợp chưa có chuẩn chương trình đào tạo theo ngành, nhóm ngành hoặc lĩnh vực tương ứng tại thời điểm Thông tư số 54/2026/TT-BGDĐT có hiệu lực thi hành, việc xây dựng, ban hành chương trình đào tạo phải đáp ứng chuẩn chương trình đào tạo của trình độ tương ứng quy định tại Thông tư số 54/2026/TT-BGDĐT và Quy định này. Trường có trách nhiệm rà soát, cập nhật chương trình đào tạo trong thời hạn không quá 24 tháng kể từ ngày chuẩn chương trình đào tạo theo ngành, nhóm ngành hoặc lĩnh vực tương ứng có hiệu lực thi hành.

4. Hồ sơ đề nghị mở ngành đào tạo đã được cấp có thẩm quyền tiếp nhận hợp lệ trước ngày Thông tư số 54/2026/TT-BGDĐT có hiệu lực nhưng chưa được phê duyệt được tiếp tục xử lý theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ.

5. Chương trình đào tạo đã ban hành trước ngày 07 tháng 9 năm 2026 được tiếp tục áp dụng cho các khóa tuyển sinh trước ngày 01 tháng 01 năm 2027; từ các khóa tuyển sinh năm 2027, chương trình đào tạo phải bảo đảm khối lượng học tập tối thiểu và chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 39/2026/QĐ-TTg.

Điều 23. Trách nhiệm thi hành

1. Hiệu trưởng tổ chức, chỉ đạo và chịu trách nhiệm về việc xây dựng, thẩm định, ban hành, phê duyệt tổ chức thực hiện, rà soát, cập nhật và cải tiến chương trình đào tạo theo thẩm quyền; bảo đảm thực hiện trách nhiệm giải trình theo quy định của pháp luật và Quy định này.

2. Ban Quản lý đào tạo chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu, tổ chức thực hiện và theo dõi công tác quản lý chương trình đào tạo; hướng dẫn, tổng hợp, báo cáo và cập nhật thông tin, dữ liệu về chương trình đào tạo theo quy định.

3. Ban Đảm bảo chất lượng chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện các hoạt động bảo đảm chất lượng, tự đánh giá, đo lường, đánh giá chuẩn đầu ra và cải tiến chương trình đào tạo theo quy định.

4. Đơn vị đào tạo chủ trì tổ chức xây dựng, thực hiện, rà soát, đánh giá và đề xuất cập nhật, cải tiến chương trình đào tạo thuộc phạm vi quản lý; bảo đảm các điều kiện thực hiện chương trình đào tạo và chịu trách nhiệm về chất lượng thực hiện chương trình đào tạo theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

5. Ban Cơ sở vật chất chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị và các điều kiện vật chất phục vụ tổ chức thực hiện chương trình đào tạo theo yêu cầu của chương trình đào tạo và quy định của Trường.

6. Ban Thư viện và Học liệu chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan bảo đảm thư viện, học liệu và các nguồn tài nguyên phục vụ dạy học đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.

7. Ban Tuyển sinh và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện công khai, cập nhật thông tin về chương trình đào tạo trên cổng thông tin điện tử của Trường theo quy định.

8. Các đơn vị, cá nhân có liên quan có trách nhiệm phối hợp thực hiện các nhiệm vụ về xây dựng, thẩm định, ban hành, tổ chức thực hiện, rà soát, cập nhật và cải tiến chương trình đào tạo theo chức năng, nhiệm vụ được phân công.

9. Việc phân công trách nhiệm cụ thể và cơ chế phối hợp giữa các đơn vị được thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của Trường và quy trình thực hiện chương trình đào tạo được ban hành theo Quy định này.

10. Chánh Văn phòng, Trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường chịu trách nhiệm thi hành Quy định này./.

Phụ lục I

TRÌNH TỰ THỰC HIỆN XÂY DỰNG, THẨM ĐỊNH, BAN HÀNH VÀ PHÊ DUYỆT TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHTDM ngày tháng năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

1. Giai đoạn 1: Đề xuất và xây dựng dự thảo chương trình đào tạo

Bước 1: Đơn vị đào tạo đề xuất xây dựng, phát triển chương trình đào tạo (CTĐT) thuộc phạm vi phụ trách.

Bước 2: Hiệu trưởng ban hành quyết định thành lập Tổ xây dựng chương trình đào tạo.

Bước 3: Tổ xây dựng chương trình đào tạo lập kế hoạch, triển khai xây dựng dự thảo CTĐT và thu thập, tổng hợp ý kiến các bên liên quan.

Bước 4: Tổ xây dựng chương trình CTĐT tổ chức lấy ý kiến góp ý, tiếp thu, giải trình và hoàn thiện dự thảo CTĐT.

Bước 5: ĐVĐT phối hợp với các bên liên quan tổ chức phiên họp Hội đồng thẩm định cấp chuyên môn để đánh giá CTĐT; căn cứ vào kết luận của Hội đồng, Đơn vị đào tạo tiến hành tiếp thu, hoàn thiện dự thảo CTĐT và lập hồ sơ nộp về BQLĐT để kiểm tra, trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường tổ chức thẩm định cấp Trường.

2. Giai đoạn 2: Thẩm định chương trình đào tạo

Bước 6: Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường tổ chức thẩm định CTĐT, lập báo cáo thẩm định.

Bước 7: Tổ xây dựng chương trình CTĐT phối hợp với các bên liên quan hoàn thiện CTĐT theo kết luận của Hội đồng thẩm định.

3. Giai đoạn 3: Ban hành, cập nhật dữ liệu và công khai thông tin

Bước 8: Căn cứ kết quả thẩm định, Hiệu trưởng Quyết định ban hành CTĐT.

Bước 9: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày ban hành CTĐT: Ban Quản lý đào tạo cập nhật dữ liệu CTĐT trên Hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành về giáo dục đại học (HEMIS); Ban Tuyển sinh và Truyền thông, đơn vị đào tạo thực hiện công khai CTĐT trên cổng/ trang thông tin điện tử theo quy định.

4. Giai đoạn 4: Rà soát năng lực và phê duyệt tổ chức thực hiện CTĐT

Bước 10. Hiệu trưởng thành lập Hội đồng rà soát, đánh giá năng lực bảo đảm tổ chức thực hiện CTĐT.

Bước 11: Hội đồng thực hiện rà soát, đánh giá năng lực tổ chức thực hiện chương trình đào tạo và báo cáo Hiệu trưởng xem xét, quyết định.

Bước 12. Căn cứ ngành và trình độ đào tạo, thực hiện thủ tục phê duyệt tổ chức thực hiện CTĐT:

a) Đối với CTĐT thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo: Trường hoàn thiện hồ sơ và Tờ trình gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, phê duyệt.

b) Đối với CTĐT thuộc thẩm quyền của Hiệu trưởng: Hiệu trưởng ký Quyết định phê duyệt tổ chức thực hiện.

Sau khi có Quyết định phê duyệt, Trường tổ chức thông báo tuyển sinh, đơn vị đào tạo phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai thực hiện CTĐT theo đúng quy định./.

Phụ lục II

Nguyên tắc đo lường, đánh giá chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHTDM ngày tháng năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

1. Bảo đảm đo lường, đánh giá đúng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Việc đo lường, đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra nhằm xác định mức độ người học đáp ứng các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm được xác định trong chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

2. Bảo đảm sự liên kết và thống nhất trong chương trình đào tạo

Việc đo lường, đánh giá chuẩn đầu ra phải được thực hiện trên cơ sở bảo đảm sự liên kết, thống nhất giữa chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra học phần, nội dung đào tạo, hoạt động giảng dạy, học tập, kiểm tra và đánh giá. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phải được liên kết với chuẩn đầu ra của các học phần thông qua ma trận liên kết phù hợp. Việc tổ chức đo lường phải phản ánh quá trình hình thành và phát triển năng lực của người học trong toàn bộ chương trình đào tạo.

3. Bảo đảm dữ liệu, minh chứng và phương pháp đo lường, đánh giá phù hợp

Việc xác định mức độ đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được thực hiện bằng phương pháp đánh giá trực tiếp, phương pháp đánh giá gián tiếp hoặc kết hợp các phương pháp trên cơ sở sử dụng dữ liệu và minh chứng phù hợp, được thu thập từ hoạt động dạy học, học tập, kiểm tra, đánh giá và các hoạt động đào tạo, khảo sát có liên quan.

4. Bảo đảm tính khách quan, nhất quán, khả thi, minh bạch và có thể kiểm chứng

Việc đo lường, đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra được thực hiện trên cơ sở xác định rõ ngưỡng đạt, thang đo, trọng số, phương pháp, công cụ và nội dung đo lường phù hợp với mục tiêu, chuẩn đầu ra và đặc thù của chương trình đào tạo. Các nội dung này phải được quy định, thể hiện rõ và bảo đảm tính thống nhất trong chương trình đào tạo và đề cương chi tiết học phần. Việc tổ chức đo lường, đánh giá phải bảo đảm tính khách quan, nhất quán, khả thi, minh bạch và có thể kiểm chứng.

5. Bảo đảm kết quả đo lường được sử dụng cho cải tiến chất lượng

Kết quả đo lường, đánh giá chuẩn đầu ra phải được phân tích, tổng hợp và sử dụng làm căn cứ xác định mức độ người học đáp ứng chuẩn đầu ra của

chương trình đào tạo. Kết quả đo lường, đánh giá là một trong những nguồn thông tin phục vụ việc rà soát, đánh giá và cải tiến hoạt động giảng dạy và học tập; phương pháp và công cụ kiểm tra, đánh giá; học phần và nội dung chương trình đào tạo; chuẩn đầu ra và mục tiêu đào tạo khi cần thiết; các điều kiện bảo đảm chất lượng và hoạt động quản lý chương trình đào tạo. Việc sử dụng kết quả đo lường, đánh giá phải bảo đảm nguyên tắc cải tiến liên tục và trách nhiệm giải trình về chất lượng chương trình đào tạo.

6. Bảo đảm tính thống nhất trong quản lý và tổ chức thực hiện

Hoạt động đo lường, đánh giá chuẩn đầu ra được tổ chức thực hiện thống nhất trong toàn Trường theo quy định và hướng dẫn của Trường. Trách nhiệm của các đơn vị và cá nhân trong việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thu thập dữ liệu, thực hiện đo lường, xử lý và quản lý minh chứng, phân tích kết quả và sử dụng kết quả để cải tiến chất lượng chương trình đào tạo phải được xác định rõ.

Phụ lục III

YÊU CẦU BỔ SUNG CỦA MỘT SỐ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THUỘC LĨNH VỰC SỨC KHỎE

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHTDM ngày tháng năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

1. Về đội ngũ giảng viên toàn thời gian tham gia giảng dạy và trình độ chuyên môn

STT	Chuyên môn của giảng viên trình độ tiến sĩ	Chương trình đào tạo thuộc các ngành				
		Y khoa	***Y học cổ truyền***	***Răng Hàm Mặt***	***Y học dự phòng***	***Dược học***
		Số lượng tiến sĩ	Số lượng tiến sĩ	Số lượng tiến sĩ	Số lượng tiến sĩ	Số lượng tiến sĩ
1	Khoa học y sinh	2	2	2	2	1
2	Ngoại khoa	2	1	1	1	-
3	Nội khoa	2	1	1	1	1
4	Nhi khoa	1	1	1	1	0
5	Y học dự phòng/Y tế công cộng	1	1	1	6	0
6	Sản phụ khoa	1	1	0	1	0
7	Chuyên khoa nội (trừ ngành Nội khoa và Nhi khoa)	3	0	0	0	0
8	Chuyên khoa ngoại (trừ Ngoại khoa và Sản phụ khoa)	3	0	0	0	-
9	Y học cổ truyền	0	5	0	0	0
10	Răng Hàm Mặt	0	0	6	0	0
11	Chương trình thuộc các môn cơ sở ngành Dược	0	0	0	0	2
12	Chương trình thuộc ngành Dược học	0	0	0	0	7

2. Về cơ sở thực hành, cơ sở đào tạo thực hành

STT	Phòng thí nghiệm, thực hành	Chương trình đào tạo thuộc các ngành										
		Y khoa	Y học cổ truyền	Răng Hàm Mặt	Y học Dự phòng	Điều dưỡng	Hộ sinh	Dược học	Kỹ thuật Phục hình răng	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật Hình ảnh y học	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
1	Sinh học và di truyền y học mô phôi	X	X	X	X	X	X	-	-	X	X	X
2	Lý sinh	X	X	X	X	X	X	-	X	X	X	X
3	Sinh lý	X	X	X	X	X	X	-	-	X	X	X
4	Hóa học	X	X	X	X	X	X	-	X	X	X	-
5	Hóa sinh	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
6	Giải phẫu	X	X	X	X	X	X	-	X	X	X	X
7	Vi sinh - Ký sinh trùng	X	X	X	X	X	X	X	-	-	-	-
8	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	X	X	X	X	X	X	X	-	-	-	-
9	Dược lý	X	X	X	X	X	X	X	-	-	-	-
10	Điều dưỡng cơ bản	X	X	X	X	X	X	-	-	X	X	X
11	Giải phẫu bệnh	X	X	X	X	X	-	-	-	-	X	-
12	Mô phôi	X	X	X	X	-	-	-	-	-	-	-
13	Dinh dưỡng và Vệ sinh an toàn thực phẩm	X	-	X	X	-	-	-	-	-	-	X
14	Sức khỏe môi trường và Sức khỏe nghề nghiệp	X	-	-	X	X	X	-	-	-	-	X
15	Thực vật dược	-	X	-	-	-	-	X	-	-	-	-
16	Dinh dưỡng tiết chế	-	-	-	-	X	X	-	-	-	-	X

STT	Phòng thí nghiệm, thực hành	Chương trình đào tạo thuộc các ngành										
		Y khoa	Y học cổ truyền	Răng Hàm Mặt	Y học Dự phòng	Điều dưỡng	Hộ sinh	Dược học	Kỹ thuật Phục hình răng	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật Hình ảnh y học	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
17	Y học cổ truyền	-	-	-	-	X	X	-	-	-	-	-
18	Hộ sinh cơ bản	-	-	-	-	X	-	-	-	-	-	-
19	Hóa đại cương vô cơ	-	-	-	-	-	-	X	X	-	-	-
20	Hóa hữu cơ	-	-	-	-	-	-	X	X	-	-	-
21	Hóa phân tích	-	-	-	-	-	-	X	X	-	-	-
22	Sinh học	-	-	-	-	-	-	X	-	-	-	-
23	Vật lý	-	-	-	-	-	-	X	X	-	-	X
24	Dược liệu	-	-	-	-	-	-	X	-	-	-	-
25	Hóa Dược	-	-	-	-	-	-	X	-	-	-	-
26	Dược học cổ truyền	-	-	-	-	-	-	X	-	-	-	-
27	Bào chế	-	-	-	-	-	-	X	-	-	-	-
28	Dược lâm sàng	-	-	-	-	-	-	X	-	-	-	-
29	Công nghiệp dược	-	-	-	-	-	-	X	-	-	-	-
30	Kiểm nghiệm thuốc	-	-	-	-	-	-	X	-	-	-	-
31	Chiết suất vi sinh	-	-	-	-	-	-	X	-	-	-	-
32	Nhà thuốc	-	-	-	-	-	-	X	-	-	-	-
33	Trung tâm tiền lâm sàng (các phòng thực hành về: hệ nội, hệ ngoại, phụ-sản, nhi, hồi sức cấp cứu, điều	X	-	-	X	-	-	-	-	-	-	-

STT	Phòng thí nghiệm, thực hành	Chương trình đào tạo thuộc các ngành										
		Y khoa	Y học cổ truyền	Răng Hàm Mặt	Y học Dự phòng	Điều dưỡng	Hộ sinh	Dược học	Kỹ thuật Phục hình răng	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật Hình ảnh y học	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
	dưỡng)											
34	Trung tâm tiền lâm sàng (các phòng thực hành về: hệ nội, hệ ngoại, hồi sức cấp cứu, điều dưỡng, châm cứu, xoa bóp-dưỡng sinh)	-	X	-	-	-	-	-	-	-	-	-
35	Trung tâm tiền lâm sàng (các phòng thực hành về: chữa răng và nội nha, phục hình, chỉnh nha, nha nhu, phẫu thuật trong miệng và phẫu thuật hàm mặt, Labo răng giả)	-	-	X	-	-	-	-	-	-	-	-
36	Trung tâm tiền lâm sàng (các phòng thực hành về: chăm sóc sức khỏe bệnh nội khoa, chăm sóc sức khỏe ngoại	-	-	-	-	X	-	-	-	-	-	-

STT	Phòng thí nghiệm, thực hành	Chương trình đào tạo thuộc các ngành										
		Y khoa	Y học cổ truyền	Răng Hàm Mặt	Y học Dự phòng	Điều dưỡng	Hộ sinh	Dược học	Kỹ thuật Phục hình răng	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật Hình ảnh y học	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
	khoa, chăm sóc sức khỏe phụ nữ-bà mẹ và gia đình, chăm sóc sức khỏe trẻ em, chăm sóc cho người cần được phục hồi chức năng)											
37	Trung tâm tiền lâm sàng/Trung tâm thực hành kỹ năng Sản-Phụ khoa-Kế hoạch hóa gia đình (các phòng thực hành về: chăm sóc bà mẹ thời kỳ thai nghén-chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh sau đẻ; chăm sóc bà mẹ thời kỳ chuyển dạ và đẻ, chăm sóc trẻ sơ sinh, chăm sóc sức khỏe phụ nữ và kế hoạch	-	-	-	-	-	X	-	-	-	-	-

STT	Phòng thí nghiệm, thực hành	Chương trình đào tạo thuộc các ngành										
		Y khoa	Y học cổ truyền	Răng Hàm Mặt	Y học Dự phòng	Điều dưỡng	Hộ sinh	Dược học	Kỹ thuật Phục hình răng	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật Hình ảnh y học	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
	hóa gia đình)											
38	Labo Kỹ thuật phục hình răng (các phòng về: kỹ thuật phục hình tháo lắp, kỹ thuật phục hình cố định, kỹ thuật phục hình sứ, kỹ thuật phục hình trên implant, kỹ thuật CAD/CAM & số trong nha khoa, Labo răng giả.	-	-	-	-	-	-	-	X	-	-	-
39	Trung tâm tiền lâm sàng gồm: - Các phòng thực hành Vật lý trị liệu: Thực hành điều trị bằng tay; Thực hành Vận động trị liệu; Thực hành Điện trị liệu. - Các phòng thực hành Hoạt	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	X

STT	Phòng thí nghiệm, thực hành	Chương trình đào tạo thuộc các ngành										
		Y khoa	Y học cổ truyền	Răng Hàm Mặt	Y học Dự phòng	Điều dưỡng	Hộ sinh	Dược học	Kỹ thuật Phục hình răng	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật Hình ảnh y học	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
	động trị liệu: thực hành các hoạt động sinh hoạt hàng ngày, thực hành làm nẹp và dụng cụ trợ giúp. - Các phòng thực hành Ngôn ngữ trị liệu: thực hành các kỹ thuật can thiệp cho người lớn, thực hành các kỹ thuật can thiệp cho trẻ em.											
40	Huyết học	-	-	-	-	-	-	-	-	X	-	-
41	Vi sinh	-	-	-	-	-	-	-	-	X	-	-
42	Ký sinh trùng	-	-	-	-	-	-	-	-	X	-	-
43	Sinh học phân tử	-	-	-	-	-	-	-	-	X	-	-
44	Xét nghiệm tế bào	-	-	-	-	-	-	-	-	X	-	-
45	Kỹ thuật siêu âm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	X	-
46	X-quang đa khoa	-	-	-	-	-	-	-	-	-	X	-
47	X-quang chuyên khoa										X	-
48	Phòng kiến tập X-										X	-

STT	Phòng thí nghiệm, thực hành	Chương trình đào tạo thuộc các ngành										
		Y khoa	Y học cổ truyền	Răng Hàm Mặt	Y học Dự phòng	Điều dưỡng	Hộ sinh	Dược học	Kỹ thuật Phục hình răng	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật Hình ảnh y học	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
	quang can thiệp											
49	Chụp cắt lớp vi tính										X	-
50	Chụp cộng hưởng từ										X	-
51	Y học hạt nhân xạ trị										X	-